

Bản án số: 61/2017/DS-ST

Ngày: 22/9/2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Lý Thị Bé Năm.

+ Ông Trần Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2017/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2017/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân N

Địa chỉ: khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Nguyễn S, chức vụ: Giám đốc (có mặt)

Địa chỉ: khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Nguyễn T, sinh năm 1966 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố B, Phường O, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Tr, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố B, Phường O, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 6 năm 2017, đại diện theo pháp luật của

nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân N trình bày: Ngày 13/01/2014, ông Nguyễn T, bà Nguyễn Tr và Quỹ tín dụng nhân dân N ký hợp đồng tín dụng số 04/14. Theo đó, ông T vay của Quỹ tín dụng nhân dân N số tiền 30.000.000đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 06 tháng (từ ngày 13/01/2014 đến 13/7/2014), lãi suất trong hạn 1,166%/tháng, lãi suất quá hạn 1,749%/tháng. Tài sản thế chấp đảm bảo nợ vay là quyền sử dụng đất diện tích 1.346m², loại đất ở nông thôn và cây lâu năm tọa lạc tại ấp Đ, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là khu phố B, phường O, thị xã C, tỉnh Tiền Giang) do ông T đứng tên. Do ông T không trả nợ đúng hạn nên ngày 24/7/2014 đã chuyển sang tính lãi suất quá hạn. Sau đó, ông T có trả lãi đầy đủ đến ngày 25/7/2015 và trả 5.942.687đồng tiền gốc. Quỹ tín dụng nhân dân N yêu cầu ông T thanh toán nợ nhiều lần nhưng ông T không thực hiện. Quỹ tín dụng nhân dân N yêu cầu Tòa án xử buộc ông T trả cho Quỹ tín dụng nhân dân N số tiền nợ gốc 24.057.313đồng và tiền nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số 04/14 ngày 13/01/2014 có điều chỉnh theo lãi suất tại thời điểm trả nợ là 1,5%/tháng (bao gồm tiền lãi chưa thanh toán từ ngày 25/7/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm và tiền lãi phát sinh đến khi thanh toán xong nợ), cụ thể như sau:

- Lãi suất từ ngày 25/7/2015 đến ngày 22/9/2017: 24.057.313đồng x 1,5%/tháng x 26 tháng = 9.382.352đồng.

Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi ông Tùng phải trả là 33.439.665đồng (24.057.313đồng + 9.382.352đồng).

* Tại bản khai ngày 17 tháng 7 năm 2017, bị đơn Nguyễn T trình bày: Ông có vay của Quỹ tín dụng nhân dân N số tiền 30.000.000đồng. Ông có trả tiền lãi mấy lần, sau đó làm ăn bị thất bại nên không thực hiện trả nợ đúng hạn. Ông yêu cầu được trả số nợ trên theo phương thức trả dần đến khi hết nợ.

* Tại bản khai ngày 17 tháng 7 năm 2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tr trình bày: Bà có vay của Quỹ tín dụng nhân dân N số tiền 30.000.000đồng. Bà có trả tiền lãi mấy lần, sau đó làm ăn bị thất bại nên không thực hiện trả nợ đúng hạn. Bà yêu cầu được trả số nợ trên theo phương thức trả dần đến khi hết nợ.

Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau: Bản tự khai ghi ngày 08/6/2017, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 45/2017/QĐST-DS ngày 18/4/2017, biên bản

hợp xử lý nợ ngày 09/12/2015, Giấy đề nghị vay vốn ngày 08/01/2014, Báo cáo thẩm định, Biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay, Tờ cam kết trả nợ ngày 28/10/2014, Tờ cam kết trả nợ ngày 12/12/2015, Biên bản về việc thu hồi nợ quá hạn, Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/14/HĐTC ngày 08/01/2014, Hợp đồng tín dụng số 04/14/HĐTD ngày 13/01/2014. Bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ: Bản khai ghi ngày 17/7/2017. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp tài liệu, chứng cứ: Bản khai ghi ngày 17/7/2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Bị đơn Nguyễn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện theo pháp luật của Quỹ tín dụng nhân dân N trình bày: ông Nguyễn T và bà Nguyễn Tr có ký hợp đồng số 04/14/HĐTD ngày 13/01/2014 vay của Quỹ tín dụng nhân dân N số tiền 30.000.000đồng, thời hạn vay là 06 tháng tính kể từ ngày 13/01/2014 đến 13/7/2014, tại thời điểm ký kết hợp đồng lãi suất trong hạn là 1,166%/tháng, lãi suất quá hạn là 1,749%/tháng, lãi suất có thể điều chỉnh theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước và thỏa thuận giữa hai bên. Để đảm bảo khoản vay, ông Nguyễn T có thể chấp quyền sử dụng 1.346m² đất tọa lạc tại khu phố B, Phường O, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn T có trả lãi đầy đủ đến ngày 25/7/2015 và trả 5.942.687đồng tiền gốc. Ông Nguyễn T không phản đối lời trình bày của Quỹ tín dụng nhân dân N và thừa nhận có vay số tiền 30.000.000đồng, có trả lãi suất vài lần, đồng thời xin trả dần số nợ vay đến khi hết nợ. Bà Nguyễn Tr thừa nhận tại phiên tòa lời trình bày của đại diện hợp pháp Quỹ Tín dụng nhân dân N là sự thật. Căn cứ khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận lời trình bày của đại diện hợp pháp của Quỹ tín dụng nhân dân N là sự thật.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân N yêu cầu ông Nguyễn T trả số tiền gốc 24.057.313đồng và tiền lãi suất chưa thanh toán theo hợp đồng tín dụng số 04/14/HĐTD ngày 13/01/2014 là có căn cứ, phù hợp quy định Điều 474, Điều 476, Điều 478 Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Việc ông Nguyễn T không trả nợ theo đúng thỏa thuận và xin trả số tiền nợ theo phương thức trả dần hàng tháng là xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của Quỹ tín dụng nhân dân N, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về xử lý tài sản thế chấp: Đại diện hợp pháp của Quỹ Tín dụng nhân dân N không yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp. Căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Theo điểm b tiêu mục 1.3 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội) quy định: Đối với tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình có giá ngạch từ trên 6.000.000đồng đến dưới 400.000.000đồng thì mức thu án phí là 5% giá trị tài sản có tranh chấp. Như vậy, giá trị tài sản tranh chấp trong vụ án là 33.439.665đồng thì mức án phí là 1.672.000đồng (33.439.665đồng x 5%). Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông Nguyễn T phải chịu án phí. Tuy nhiên, tại phiên tòa, đại diện hợp pháp Quỹ Tín dụng nhân dân N tự nguyện chịu 847.000đồng, số tiền án phí còn lại ông Nguyễn T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 688 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13;

Căn cứ Điều 474, Điều 476, Điều 478 Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân N. Buộc ông Nguyễn T có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân N số tiền 33.439.665đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông T còn phải tiếp tục trả cho Quỹ tín dụng nhân dân N khoản tiền lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 04/14/HĐTD ngày 13/01/2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn T phải chịu 825.000đồng án phí.

Quỹ tín dụng nhân dân N chịu 847.000đồng án phí. Quỹ tín dụng nhân dân N đã nộp 847.000đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm (biên lai thu số 0000858 ngày 09/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang), Như vậy Quỹ tín dụng nhân dân N đã nộp xong phần án phí.

3. Quỹ tín dụng nhân dân N, bà Nguyễn Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Nguyễn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn tính kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND TXCL;
- THADS TXCL;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Lê Huy